

Để nâng cao năng suất lao động ngành nông nghiệp Việt Nam

NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN*

Vào cuối thập niên 1980, nông nghiệp đã luôn là một động lực quan trọng của tăng trưởng, giảm nghèo, an ninh lương thực và xuất khẩu của Việt Nam. Tuy nhiên, những năm gần đây, tăng trưởng của khu vực này đã chậm lại, chỉ khoảng 2%/năm kể từ năm 2011, đã kéo lùi tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế. Nguyên nhân chính được các chuyên gia chỉ rõ là do năng suất lao động (NSLĐ) ngành nông nghiệp Việt Nam hiện đang quá thấp, nếu không được cải thiện, nó sẽ là rào cản của tăng trưởng trong thời gian tới.

THỰC TRẠNG

Tính toán theo số liệu Tổng cục Thống kê cho thấy, bình quân giai đoạn 2011-2016, NSLĐ khu vực nông, lâm, ngư nghiệp có mức tăng bình quân cao nhất so với các khu vực khác. Cụ thể, NSLĐ khu vực nông, lâm, ngư nghiệp theo giá so sánh 2010 tăng 4,42%/năm; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 2,97%/năm; khu vực dịch vụ tăng 2,42%/năm (Bảng 1).

Trong những năm gần đây, tỷ trọng của nông, lâm, ngư nghiệp trong GDP và tạo việc làm đã thu hẹp, nhưng ngành này vẫn có vai trò quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam. Điều này được minh chứng bằng cả giai đoạn 2011-2016, mức đóng góp vào NSLĐ của toàn nền kinh tế từ nội bộ ngành này là dương và có xu hướng tăng dần đến năm 2015 (Bảng 2).

Tuy nhiên, cần phải thấy rằng, tăng trưởng NSLĐ trong nông nghiệp bắt nguồn từ sự phân bổ lại lao động, đất đai và các nguồn lực khác giữa các phân ngành nông nghiệp và tăng NSLĐ trong các phân ngành thông qua dịch chuyển nguồn lực từ các phân ngành có NSLĐ thấp hơn sang các phân ngành có NSLĐ cao hơn. Yếu tố thứ hai đóng góp cho tăng NSLĐ của nhóm ngành này là tự do hóa. Quá trình tự do hóa bên ngoài đã dẫn đến quá trình

phân bổ lại nguồn lực cho nông nghiệp để phù hợp với những lợi thế so sánh ở nhiều sản phẩm nông nghiệp, trong khi đó tự do hóa bên trong đã tạo ra những kích thích bổ sung cho nông dân để họ phấn đấu khai thác hết tiềm năng của mình. Vì thế, giá trị NSLĐ của ngành nông nghiệp không hề cao, thậm chí còn rất thấp.

Theo báo cáo "Triển vọng Phát triển châu Á (ADO) 2017" do Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) công bố ngày 10/04/2017, thì sản lượng nông nghiệp bình quân trên mỗi lao động ở Việt Nam chỉ bằng 1/3 của Indonesia và chưa bằng một nửa so với Thái Lan và Philippines.

Xét về con số tuyệt đối, thì NSLĐ khu vực này vẫn rất thấp, chỉ tạo ra được 33,62 triệu đồng/lao động trong năm 2016 (theo giá hiện hành), bằng 39,78% mức NSLĐ chung của toàn nền kinh tế và chỉ bằng 1/4 NSLĐ trong khu vực công nghiệp và xây dựng; bằng hơn 1/3 NSLĐ của khu vực dịch vụ (Bảng 1).

Nguyên nhân được chỉ ra là do:

Một là, việc ứng dụng những thành tựu khoa học, công nghệ vào quá trình sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp còn chậm

Tăng trưởng và phát triển nông nghiệp của Việt Nam trong vài thập niên qua chủ yếu dựa trên cơ sở thâm dụng đầu vào sản xuất, nguồn lực con người và tài nguyên thiên nhiên. Việc ứng dụng khoa học, kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất nông nghiệp chưa được tiến hành đồng bộ. Máy móc thiết bị đưa vào sản xuất còn lạc hậu so với thế giới, dẫn đến hậu quả ô nhiễm môi trường. Tốc độ cơ

BẢNG 1: NSLĐ VÀ TỐC ĐỘ TĂNG NSLĐ CỦA CÁC NGÀNH KINH TẾ THEO GIÁ HIỆN HÀNH

	Toàn nền kinh tế		Khu vực nông, lâm, ngư nghiệp		Khu vực công nghiệp - xây dựng		Khu vực dịch vụ	
	Triệu đồng/ lao động	Tốc độ (%)	Triệu đồng/ lao động	Tốc độ (%)	Triệu đồng/ lao động	Tốc độ (%)	Triệu đồng/ lao động	Tốc độ (%)
2010	43,99		16,33		67,47		73,68	
2011	55,21	3,49	22,33	3,87	83,62	3,17	87,73	0,70
2012	63,11	3,06	25,61	2,95	99,94	5,64	94,79	-1,13
2013	68,65	3,83	26,39	2,45	107,30	3,28	104,70	3,12
2014	74,53	4,72	28,55	3,40	116,48	5,08	112,38	3,61
2015	79,35	6,68	30,63	7,47	115,99	2,43	118,78	3,96
2016	84,50	4,71	33,62	5,56	114,28	-1,79	126,31	4,25

Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2016

* Trưởng Cao đẳng Kinh tế - Kế hoạch Đà Nẵng | Email: thanhhuynnt@gmail.com

giới hóa trong sản xuất nông nghiệp chưa cao, chưa đồng bộ và phát triển chưa toàn diện. So với các nước trong khu vực, mức độ trang bị động lực của nông nghiệp Việt Nam còn thấp, bình quân đạt 1,3 mã lực (CV)/ha canh tác, trong khi một số nước trong khu vực, như: Thái Lan đạt 4 CV/ha, Hàn Quốc 4,2 CV/ha, Trung Quốc 6,06 CV/ha (các khâu canh tác chủ yếu trong nông nghiệp các quốc gia này được cơ giới hóa trên 90%) (Lê Quốc Lý, 2016).

Hầu hết các loại cây trồng, vật nuôi có NSLĐ, chất lượng và khả năng cạnh tranh thấp. NSLĐ cây trồng thường mới đạt khoảng 70% mức bình quân chung của thế giới. Công tác nghiên cứu, chuyển giao khoa học, kỹ thuật, công nghệ mới còn nhiều bất cập. Hệ thống quản lý thủy nông, thú y, bảo vệ thực vật, cung ứng giống, vật tư chưa đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hóa nông nghiệp. Công tác bảo quản sau thu hoạch, bao bì, nhãn hiệu hàng hóa, thương hiệu vẫn chưa đáp ứng theo tiêu chuẩn quốc tế trong quá trình hội nhập.

Thiết bị và công nghệ chế biến sau thu hoạch còn lạc hậu, kết cấu hạ tầng phục vụ bảo quản chế biến còn chưa phát triển, quy mô nhỏ, tỷ lệ hao hụt, thất thoát cao. Phần lớn vật tư, thiết bị nông nghiệp dựa vào nguồn nhập khẩu từ nước ngoài. Trong đó, hơn 90% số máy kéo bốn bánh và máy công tác kèm theo, máy gặt đập liên hợp phải nhập khẩu.

Đội ngũ khoa học nông nghiệp tuy đông, nhưng không mạnh. Cán bộ có đủ năng lực chủ trì đề tài nghiên cứu đưa lại kết quả cao chiếm tỷ lệ thấp, còn thiếu cán bộ đầu ngành giỏi; nhiều lĩnh vực khoa học, công nghệ như công nghệ sinh học thiếu nhân lực trình độ cao nên chậm được triển khai; điều kiện vật chất kỹ thuật của các cơ sở nghiên cứu, đào tạo còn lạc hậu, không đồng bộ, dẫn đến tình trạng đào tạo nhân lực cho khoa học và công nghệ phục vụ nông nghiệp, nông thôn chưa gắn lý thuyết với thực hành, thiếu các nghiên cứu chuyên sâu trên một đơn vị sản phẩm.

Hai là, nguồn vốn đầu tư vào ngành nông nghiệp còn thấp

Theo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nguyễn Xuân Cường tại Diễn đàn "Phát triển doanh nghiệp nông nghiệp trong tiến trình tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới" ngày 08/09/2016, thu hút

**BẢNG 2: TÁC ĐỘNG CỦA CÁC YẾU TỐ ĐẾN NSLĐ
PHÂN THEO CÁC NHÓM NGÀNH**

Đơn vị: Triệu đồng/lao động

Năm	Tổng NSLĐ	Nông, lâm-ngư nghiệp			Công nghiệp, xây dựng			Dịch vụ		
		Nội bộ ngành	Tinh	Động	Nội bộ ngành	Tinh	Động	Nội bộ ngành	Tinh	Động
2011	1,54	0,31	-0,18	-0,01	0,45	0,23	0,01	0,15	0,57	0,00
2012	1,39	0,24	-0,17	-0,01	0,84	-0,07	0,00	-0,25	0,83	-0,01
2013	1,80	0,20	-0,11	0,00	0,51	0,03	0,00	0,72	0,43	0,01
2014	2,30	0,28	-0,10	0,00	0,82	0,01	0,00	0,87	0,40	0,01
2015	3,41	0,64	-0,40	-0,03	0,41	1,19	0,03	1,01	0,54	0,02
2016	2,57	0,49	-0,42	-0,02	-0,33	1,60	-0,03	1,15	0,13	0,01

Nguồn: Ngô Thắng Lợi, Ngô Quốc Dũng, 2017

đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn thời gian qua còn rất hạn chế và chưa tương xứng với tiềm năng, cũng như nhu cầu phát triển của ngành nông nghiệp. Cụ thể, việc huy động nguồn lực ngoài ngân sách cho phát triển nông nghiệp, nông thôn chưa phù hợp với nhiệm vụ và nhu cầu phát triển ngành. Đầu tư của doanh nghiệp tư nhân trong nước còn thấp, thiếu ổn định.

Số lượng doanh nghiệp nông, lâm, thủy sản còn ít và có xu hướng giảm trong thời gian gần đây. Giai đoạn 2010-2014, tốc độ tăng doanh nghiệp nông, lâm, thủy sản đạt bình quân 10,6%, thấp hơn so với mức tăng của doanh nghiệp nói chung là 10,9%/năm; tỷ trọng doanh nghiệp nông, lâm, thủy sản so với doanh nghiệp cả nước cũng giảm từ 1,01% năm 2010 xuống còn 0,96% năm 2014. Đa phần là doanh nghiệp có quy mô vốn nhỏ (số doanh nghiệp có quy mô vốn dưới 5 tỷ đồng chiếm khoảng 55%).

Trong khi đó, cơ cấu của các doanh nghiệp nông, lâm, thủy sản chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa, chiếm 96,53% tổng số doanh nghiệp. Có khoảng 50% doanh nghiệp ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản có quy mô hoạt động siêu nhỏ (dưới 10 lao động). Doanh nghiệp hoạt động nhiều nhất trong lĩnh vực nông nghiệp chiếm 47,63%, tiếp đến là thủy sản 35,43% và ít nhất là lâm nghiệp 16,63%. Bên cạnh đó, tổng vốn đầu tư của xã hội cho nông nghiệp, nông thôn chiếm tỷ trọng rất thấp, khoảng 5,4%-5,6% tổng vốn đầu tư cả nước, trong khi nông nghiệp vẫn đóng góp 17,7% GDP cả nước vào năm 2014.

Ba là, chất lượng nguồn nhân lực của ngành nông nghiệp không cao

Theo Tổng cục Thống kê, năm 2006, số lao động khu vực nông, lâm, ngư nghiệp chiếm khoảng 54% trong tổng số lao động. Đến năm 2015, số lao động ở khu vực này còn 44%, tỷ trọng lao động trong khu vực này giảm 10%. Trong tổng số lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc năm 2015, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 44,3% (năm 2014 là 46,3%).

Phần lớn lực lượng lao động đang làm việc trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp và là những lao động thời vụ, lao động giản đơn, việc làm không ổn định, nên tuy lực lượng lao động chiếm tỷ lệ cao và tỷ lệ lao động thất nghiệp thấp nhưng thực tế giá trị gia tăng do

những người lao động này tạo ra lại không cao từ đó dẫn đến NSLĐ thấp. Gần 50% lao động trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp chỉ đóng góp 18,38% vào GDP. Tỷ lệ lao động làm việc trong nền kinh tế phi chính thức cao. Khu vực phi chính thức thường là nơi mà có NSLĐ thấp, người lao động ít được tiếp cận với những công nghệ mới nhất, hoặc hiện đại nhất.

Bốn là, ngành nông nghiệp Việt Nam đang bị đe dọa bởi sự tác động của biến đổi khí hậu

Việt Nam là một trong những nước dễ bị tổn thương nhất trước biến đổi khí hậu và nông nghiệp càng đứng trước nguy cơ lớn hơn, vì phụ thuộc rất nhiều vào các điều kiện khí hậu và sinh thái nông nghiệp ổn định. Ngoài nguy cơ hạn hán, tài nguyên nước còn có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi xu hướng biến động dòng chảy ngày càng tăng của hệ thống sông ngòi, buộc người nông dân phải lệ thuộc nhiều hơn vào nước ngầm. Thủy sản và các nguồn lợi ven biển cũng rất dễ bị tổn thương trước thay đổi nhiệt độ, tình trạng úng lụt mất kiểm soát và xâm nhập mặn.

NHỮNG GIẢI PHÁP CẦN THỰC HIỆN

Thứ nhất, thực hiện tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao. Theo đó:

- Tăng thêm nguồn vốn đầu tư cho nông nghiệp; có chính sách thu hút đầu tư từ nguồn vốn dân doanh vào phát triển nông nghiệp.

- Cần tăng đầu tư công để vừa duy trì kết cấu hạ tầng nông thôn hiện có, vừa xây dựng kết cấu hạ tầng mới trong các lĩnh vực thủy lợi, giao thông, xử lý và bảo quản sau thu hoạch.

- Chính sách công nghiệp quốc gia cần phải đầu tư vào các ngành kinh tế hỗ trợ sản xuất nông nghiệp kỹ thuật cao, nông nghiệp hiệu quả và bền vững.

- Cần đưa cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 vào tận nông hộ, tăng NSLĐ nông dân, tổ chức sản xuất nông nghiệp chính xác thông minh trên từng mét vuông đất. Áp dụng thành tựu mới của công nghệ sinh học, công nghệ cơ khí tự động hóa kết hợp với công nghệ điện toán đám mây internet vạn vật, tổ chức sản xuất nông nghiệp chính xác thông minh tại nông hộ, gắn với hợp

tác xã dịch vụ nông nghiệp và doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp.

- Cần xác định rằng hộ nông dân, lao động nông nghiệp là nhân tố chính quyết định sự thành công của chương trình tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp.

Thứ hai, cần áp dụng các công nghệ và phương pháp cải tiến mang lại NSLĐ cao hơn và thân thiện môi trường hơn trong sản xuất nông nghiệp

- Cần quan tâm tới công tác giảm thiệt hại trong và sau thu hoạch hiện đại hóa hệ thống canh tác theo chuẩn GAP.

- Tăng chất lượng nông sản hàng hóa và sức cạnh tranh trên thị trường với công nghệ chế biến nông sản tiên tiến.

- Cải tiến hệ thống kinh doanh nông sản, đảm bảo chất lượng từ đồng ruộng đến bàn ăn.

- Đảm bảo chất lượng gạo trong hạt thóc, không tồn dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất và các tác nhân gây tổn hại đến sức khỏe người tiêu dùng.

Thứ ba, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của ngành nông nghiệp

Hiện nay, nguồn nhân lực cho ngành cơ khí nông nghiệp rất thiếu trên mọi trình độ, chuyên gia đầu ngành, kỹ sư kỹ thuật chuyên ngành và công nhân lành nghề. Theo đó, cần đầu tư tập trung vào các khoa cơ khí nông nghiệp, công nghiệp chế biến tại các trường đại học thuộc các vùng nông nghiệp trọng điểm ở Đồng bằng sông Cửu Long, Đồng Nam Bộ, Tây Nguyên, ven biển miền Trung, Tây Bắc và Đồng bằng Bắc Bộ. Từ thực tiễn nghiên cứu và sản xuất hình thành các đội ngũ chuyên viên kỹ thuật cao chuyên gia cơ khí nông nghiệp và công nghiệp chế biến lành nghề. Cần có chế độ ưu đãi tương thích với lao động kỹ thuật cao trong nông nghiệp. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Viện NSLĐ Việt Nam (2016). *Báo cáo NSLĐ Việt Nam 2015*
2. Tổng cục Thống kê (2016). *NSLĐ lao động của Việt Nam: Thực trạng và giải pháp*
3. Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) (2017). *Báo cáo "Triển vọng Phát triển châu Á (ADO) 2017", công bố ngày 10/04/2017*
4. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nguyễn Xuân Cường (2016). *Bài phát biểu tại Diễn đàn "Phát triển doanh nghiệp nông nghiệp trong tiến trình tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới" ngày 08/09/2016*
5. Tổng cục Thống kê (2012-2016). *Niên giám Thống kê các năm từ 2011 đến 2015*, Nxb Thống kê
6. Lê Quốc Lý (2014). *Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
7. Ngô Thắng Lợi, Ngô Quốc Dũng (2017). Những "điểm nghẽn" trong tăng trưởng kinh tế Việt Nam và cách khắc phục, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, số 10/2017